

Số: 22 /CBTT-XL

Tp. Huế, ngày 26 tháng 8 năm 2022

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

### TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế
- Mã chứng khoán **HUB**
- Địa chỉ trụ sở chính 72 đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ,  
thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại 0234. 3821510
- Fax: 0234. 3825152
- Người thực hiện công bố thông tin Nguyễn Thị Kim Phụng  
Chức vụ T. Ban Kiểm Soát; TBP. Kiểm toán nội bộ.

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

#### Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ năm 2022 đã soát xét.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://xaylaphue.com.vn> => Quan hệ cổ đông => Báo cáo tài chính.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

#### Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính (hợp nhất) giữa niên độ năm 2022 đã soát xét.

**Đại diện tổ chức**  
Người được ủy quyền công bố thông tin



NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ( **VIETVALUES** )

*Công ty thành viên của JPA International*

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	09 - 10
4. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	13 - 49

---





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và 07 Công ty con là Công ty Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp, Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế, Công ty CP Chế biến Gỗ Thừa Thiên Huế, Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền, Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng, Công ty CP Gạch Tuynen Huế và Công ty TNHH Gạch Tuynen số 2 Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét.

**1. Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 05/01/2011, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/12/2021

Cổ phiếu của Công ty chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là “HUB” theo Quyết định số 523/QĐ-SGDHCM ngày 18/12/2018.

Vốn điều lệ: 190.573.160.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2022: 190.573.160.000 đồng

**Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 04 công ty liên kết và 01 công ty đầu tư dài hạn khác.

**Công ty con được hợp nhất**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
					Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,0%	100,0%	-	100,0%	-
2	Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế	Xã Hương Chừ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh VLXD	79,3%	79,3%	-	79,3%	-
3	Công ty CP Chế biến Gỗ Thừa Thiên Huế	Lô A1, KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất chế biến gỗ và kinh doanh vận tải đường bộ	94,7%	94,7%	-	94,7%	-
4	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền	Xã Lộc Điền, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	79,0%	79,0%	-	79,0%	-
5	Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng	TT Tứ Hạ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	53,0%	53,0%	-	53,0%	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
					Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp
6	Công ty CP Gạch Tuynen Huế	Phường Thủy Phương, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh gạch	51,4%	51,4%	-	51,4%	-
7	Công ty TNHH Gạch Tuynen số 2 Thừa Thiên Huế	Phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh vật liệu xây dựng	0,00%	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%

**Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty CP Frit Huế	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh men frit	29,14%	29,1%	29,1%
2	Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	24 Nguyễn Văn Cừ, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	48,76%	48,8%	48,8%
3	Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Tam Tây, Thủy An, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh bê tông	48,00%	48,0%	48,0%
4	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	18 đường Hà Huy Giáp, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	30,00%	30,0%	30,0%

**2. Trụ sở hoạt động****Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 0234.3821510
- Fax : (84) 0234.3825152

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi;

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

**4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:

**4.1 Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch	19/04/2022	
Ông Lê Tấn Phước	Chủ tịch	01/12/2021	19/04/2022
Ông Lê Quý Định	P. Chủ tịch	01/12/2021	
Ông Đoàn Hữu Thuận	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Ông Trần Sỹ Chương	Thành viên	28/04/2021	
Bà Nguyễn Thị Thành Hương	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Ông Lê Viết Liên	Thành viên	19/04/2022	
Ông Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên	19/04/2022	

**4.2. Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng ban	19/04/2022	
Ông Phan Thành Long	Trưởng ban	28/04/2021	19/04/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Ông Nguyễn Châu Trân	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Ông Trần Hữu Vinh	Thành viên	28/04/2021	19/04/2022
Bà Dương Thị Ngọc	Thành viên	28/04/2021	
Bà Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên	19/04/2022	
Ông Lê Văn Tài	Thành viên	19/04/2022	
Ông Lê Đình Nam	Thành viên	19/04/2022	

**4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc	01/12/2021	
Ông Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Lê Văn Tài	Giám đốc	05/07/2021	01/05/2022
Ông Phan Văn Giáo	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Phạm Trường Lâm	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	05/07/2021	
Bà Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	01/05/2022	

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

#### **5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc	01/12/2021

#### **6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 49.

#### **7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **8. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

#### **9. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

---

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**LÊ QUÝ ĐỊNH**

**Tổng Giám đốc**

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 08 năm 2022



Số: 29/2022/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) được lập ngày 25 tháng 08 năm 2022, từ trang 9 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 và báo cáo tài chính hợp nhất năm trước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần được thể hiện tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số HCM11158 ngày 18/08/2021 và tại Báo cáo kiểm toán số HCM11719 ngày 28/03/2022.

*Tp. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2022.*

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES**



**Trần Xuân Thạnh - P.Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNDKHN số: 1650-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022**

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>465.948.532.016</b>	<b>430.370.617.029</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>87.257.379.528</b>	<b>87.980.574.882</b>
111	1. Tiền		13.175.001.642	15.661.042.590
112	2. Các khoản tương đương tiền		74.082.377.886	72.319.532.292
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>121.365.000.000</b>	<b>95.575.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	121.365.000.000	95.575.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>72.066.792.883</b>	<b>75.975.116.489</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	85.340.111.605	93.425.055.195
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.652.986.528	5.685.292.284
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	1.233.079.068	1.483.588.448
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	16.907.787.696	16.503.264.398
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(39.067.172.014)	(41.122.083.836)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>171.546.310.983</b>	<b>155.790.679.858</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.8	171.829.072.577	156.075.498.491
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(282.761.594)	(284.818.633)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>13.713.048.622</b>	<b>15.049.245.800</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	1.896.495.209	1.503.192.532
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.528.167.679	4.464.554.168
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	9.288.385.734	9.081.499.100
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>361.155.070.934</b>	<b>361.502.580.904</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.416.900.383</b>	<b>2.483.738.020</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	2.416.900.383	2.483.738.020
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>74.514.451.077</b>	<b>80.599.493.855</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	72.268.091.836	78.229.479.276
222	- Nguyên giá		276.882.255.453	276.327.384.796
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(204.614.163.617)	(198.097.905.520)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	2.246.359.241	2.370.014.579
228	- Nguyên giá		5.439.831.562	5.439.831.562
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.193.472.321)	(3.069.816.983)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.14	<b>36.157.130.284</b>	<b>37.572.247.227</b>
231	- Nguyên giá		82.734.765.186	82.601.313.731
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.577.634.902)	(45.029.066.504)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>69.947.990.103</b>	<b>60.611.763.191</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	69.947.990.103	60.611.763.191
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.15	<b>150.441.036.093</b>	<b>151.936.955.157</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		149.318.462.403	150.814.381.467
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.122.573.690	1.122.573.690
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>27.677.562.994</b>	<b>28.298.383.454</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	25.611.840.709	25.879.724.977
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.065.722.285	2.418.658.477
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>827.103.602.950</b>	<b>791.873.197.933</b>



**CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Số 72, Đường Phạm Văn Đồng, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

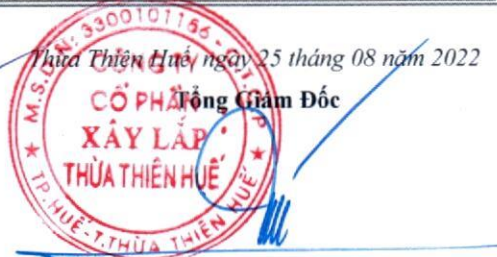
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>318.365.560.241</b>	<b>309.671.038.516</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>225.546.121.348</b>	<b>230.684.291.171</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	62.221.493.578	76.485.293.522
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	38.245.571.186	40.728.266.928
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	9.794.650.133	6.774.566.424
314	4. Phải trả người lao động	V.18	11.756.016.059	21.470.286.461
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	1.108.919.100	882.843.449
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20a	15.664.970.753	3.607.517.001
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21	53.865.456.077	54.156.042.651
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	10.632.773.681	12.549.107.142
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.23a	11.353.606.141	6.257.583.620
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	10.902.664.640	7.772.783.973
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>92.819.438.893</b>	<b>78.986.747.345</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20b	66.250.271.169	63.499.418.978
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	14.161.916.936	3.017.013.100
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.831.516.200	1.948.839.072
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	V.23b	10.575.734.588	10.521.476.195
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>508.738.042.709</b>	<b>482.202.159.417</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.25</b>	<b>508.738.042.709</b>	<b>482.202.159.417</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		190.573.160.000	190.573.160.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		190.573.160.000	190.573.160.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		9.168.780.000	9.168.780.000
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		49.017.564.002	33.141.869.923
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		218.937.978.566	209.890.232.675
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		188.128.198.946	156.034.330.062
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		30.809.779.620	53.855.902.613
422	9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		41.040.560.141	39.428.116.819
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>827.103.602.950</b>	<b>791.873.197.933</b>

Người lập biểu

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ KHÁNH VÂN



**CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: Số 72, Đường Phạm Văn Đồng, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	<b>204.484.477.643</b>	<b>226.207.887.685</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	884.451.550	8.440.000
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>203.600.026.093</b>	<b>226.199.447.685</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	146.937.811.487	168.500.040.989
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>56.662.214.606</b>	<b>57.699.406.696</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	3.677.648.302	3.530.952.338
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	717.001.487	486.079.576
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		655.820.218	460.582.460
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		6.489.288.936	12.524.196.502
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	5.170.607.239	4.622.442.997
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	16.552.573.220	27.587.742.495
30	<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>44.388.969.898</b>	<b>41.058.290.468</b>
31	12. Thu nhập khác	VI.8	1.869.030.323	3.182.040.325
32	13. Chi phí khác	VI.9	1.056.610.679	1.360.004.728
40	<b>14. Lợi nhuận khác</b>		<b>812.419.644</b>	<b>1.822.035.597</b>
50	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>45.201.389.542</b>	<b>42.880.326.065</b>
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	8.009.902.430	8.156.471.053
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.10	235.613.320	(1.958.154.887)
60	<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>36.955.873.792</b>	<b>36.682.009.899</b>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		30.809.779.620	31.562.327.660
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		6.146.094.172	5.119.682.239
70	<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	VI.10	<b>1.470</b>	<b>1.467</b>
71	<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	VI.11	<b>1.470</b>	<b>1.467</b>

Người lập biểu

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám Đốc

LÊ QUÝ ĐỊNH



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>45.201.389.542</b>	<b>42.880.326.065</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			-
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.11, V.12, V.14	8.642.956.827	9.694.834.249
03	- Các khoản dự phòng	V.7, V.8, V.23	3.093.312.053	8.747.225.047
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4	(18.054.990)	25.497.116
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4, VI.8	(4.482.083.526)	(16.622.269.229)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	655.820.218	460.582.460
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>53.093.340.124</b>	<b>45.186.195.708</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		9.109.510.419	18.801.269.850
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.753.574.086)	(2.203.796.864)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(11.763.933.711)	689.384.399
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(125.418.409)	(1.413.670.457)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.5	(655.820.218)	(460.582.460)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.10	(4.109.545.185)	(2.995.476.834)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.742.118.333)	(5.148.590.448)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>26.052.440.601</b>	<b>52.454.732.894</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(11.386.533.804)	(2.151.803.213)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.730.000.000	272.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(109.540.447.000)	(85.550.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		84.000.956.380	100.128.358.904
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.542.406.786	14.723.646.727
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(31.653.617.638)</b>	<b>27.422.929.691</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	32.427.900.872	47.774.793.955
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(23.199.330.497)	(76.567.501.631)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.368.643.682)	(966.881.850)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>4.859.926.693</b>	<b>(29.759.589.526)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>(741.250.344)</b>	<b>50.118.073.059</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>87.980.574.882</b>	<b>41.690.909.945</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		18.054.990	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>87.257.379.528</b>	<b>91.808.983.004</b>

Người lập biểu

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ KHÁNH VÂN



LÊ QUÝ ĐỊNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và 07 Công ty con là Công ty Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp, Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế, Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế, Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền, Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng, Công ty CP Gạch Tuynen Huế và Công ty TNHH Gạch Tuynen số 2 Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 05/01/2011, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/12/2021

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và kinh doanh bất động sản.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động xây lắp và hoạt động kinh doanh bất động sản thì chu kỳ kinh doanh có thể kéo dài quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Do trong kỳ Tập đoàn đã trích lập dự phòng bảo hành công trình đối với các công trình đã nghiệm thu quyết toán hoàn thành dẫn đến giá vốn hàng bán giảm ít hơn mức giảm của doanh thu. Đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

thời, Công ty đã xử lý trích lập và hoàn nhập một số khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập trong kỳ trước dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp giảm hơn. Điều này làm cho doanh thu giảm nhưng lợi nhuận thực hiện tăng hơn so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, sự kiện sáp nhập, chia tách,...có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

**6. Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30/06/2022, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 04 công ty liên kết và 01 công ty đầu tư dài hạn khác.

Số lượng các công ty con: 07

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 07

**Công ty con được hợp nhất**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết	
					Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,0%	100,0%	-	100,0%	-
2	Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế	Xã Hương Chữ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh VLXD	79,3%	79,3%	-	79,3%	-
3	Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế	Lô A1, KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất chế biến gỗ và kinh doanh vận tải đường bộ	94,7%	94,7%	-	94,7%	-
4	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền	Xã Lộc Điền, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	79,0%	79,0%	-	79,0%	-
5	Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng	TT Tứ Hạ, Huyện Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	53,0%	53,0%	-	53,0%	-
6	Công ty CP Gạch Tuynen Huế	Phường Thủy Phương, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh gạch	51,4%	51,4%	-	51,4%	-
7	Công ty TNHH Gạch Tuynen số 2 Thừa Thiên Huế	Phường Thủy Phương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh vật liệu xây dựng	0,00%	0,00%	55,51%	0,00%	70,00%

**Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty CP Frit Huế	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh men frit	29,14%	29,1%	29,1%
2	Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	24 Nguyễn Văn Cừ, TP Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	48,76%	48,8%	48,8%



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
3	Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Tam Tây, Thủy An, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sản xuất kinh doanh bê tông	48,00%	48,0%	48,0%
4	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	18 đường Hà Huy Giáp, Phường Vỹ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng	30,00%	30,0%	30,0%

**7. Nhân viên**

Tại ngày 30/06/2022, Tập đoàn có 872 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2021 là 806 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Cơ sở hợp nhất**

##### **2a. Hợp nhất với Công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 bao gồm Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của công ty con là Công ty Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp, Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế, Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế, Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền, Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng, Công ty CP Gạch Tuynen Huế và Công ty TNHH Gạch Tuynen số 2 Thừa Thiên Huế. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

##### **2b. Hợp nhất với Công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

nhưng không kiểm soát các chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỬA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### **Chi phí trả trước khác**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

#### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08
Quyền khai thác mỏ	15 – 20

#### **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất có thời hạn và lâu dài. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

#### **10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 25

#### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **12. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### **13. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

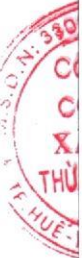
##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Quỹ đầu tư phát triển***





## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

#### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

##### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- ✓ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- ✓ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

##### ***Doanh thu từ cho thuê bất động sản***

Doanh thu từ cho thuê bất động sản đầu tư theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

##### ***Doanh thu bán đất nền và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng***

Doanh thu bán đất nền và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đất nền và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho khách hàng phần lớn những rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đất nền và đất



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỬA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

đã xây dựng cơ sở hạ tầng đã được chuyển giao cho người mua. Việc ghi nhận doanh thu bán đất nền và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng phải đảm bảo đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- ✓ Đất nền và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- ✓ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

#### **18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### **19. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

#### **20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

##### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **22. Báo cáo theo bộ phận**

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **23. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	128.137.784	219.149.254
Tiền gửi ngân hàng	13.046.863.858	15.441.893.336
Các khoản tương đương tiền (*)	74.082.377.886	72.319.532.292
<b>Cộng</b>	<b><u>87.257.379.528</u></b>	<b><u>87.980.574.882</u></b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>121.365.000.000</b>	<b>121.365.000.000</b>	<b>95.575.000.000</b>	<b>95.575.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	121.365.000.000	121.365.000.000	95.575.000.000	95.575.000.000
- Ngân hàng TMCP SHB - Chi nhánh Huế	58.550.000.000	58.550.000.000	46.700.000.000	46.700.000.000
- Ngân hàng TMCP PV - Chi nhánh Huế	19.900.000.000	19.900.000.000	19.500.000.000	19.500.000.000
- Ngân hàng TMCP VIB - Chi nhánh Huế	7.300.000.000	7.300.000.000	8.300.000.000	8.300.000.000
- Ngân hàng TMCP EXIM - Chi nhánh Huế	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Vietin - Chi nhánh Huế	19.125.000.000	19.125.000.000	2.125.000.000	2.125.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Huế	8.200.000.000	8.200.000.000	-	-
- Ngân hàng Hàng Hải - Chi nhánh Huế	4.840.000.000	4.840.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Huế	600.000.000	600.000.000	14.100.000.000	14.100.000.000
- Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Huế	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>121.365.000.000</u></b>	<b><u>121.365.000.000</u></b>	<b><u>95.575.000.000</u></b>	<b><u>95.575.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>7.451.969.806</i></b>	<b><i>5.108.436.549</i></b>
- Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thừa	1.073.884.173	1.441.571.173
- Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTH	5.611.076.147	3.554.845.376
- Công ty CP Frit Huế	767.009.486	112.020.000
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>77.888.141.799</i></b>	<b><i>88.316.618.646</i></b>
- Công ty CP Đầu tư Sao Phương Nam	7.170.883.298	6.705.031.473
- Công ty CP Đầu tư Sunrise	4.671.582.000	5.171.582.000
- Công ty CP Kỹ nghệ Lạnh	4.122.061.600	5.019.707.215
- Ngân hàng NN & PTNN - CN TT Huế	2.447.840.281	3.999.522.600
- Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á	2.322.161.380	6.573.462.940
- Công ty CP Ariyana Vĩ Dạ	2.793.748.315	-
- Công ty CP Sài Gòn Đại Lợi	4.452.781.696	4.452.781.696
- Các khách hàng khác	49.907.083.229	56.394.530.722
<b>Cộng</b>	<b><u>85.340.111.605</u></b>	<b><u>93.425.055.195</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>	<b><i>28.954.780</i></b>	<b><i>-</i></b>
- Công ty CP Frit Huế	28.954.780	-
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b><i>7.624.031.748</i></b>	<b><i>5.685.292.284</i></b>
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Phúc Thành	1.558.698.000	1.558.698.000
- Công ty TNHH Xây dựng Đồng Tâm	1.264.720.863	-
- Công ty TNHH Cơ Khí Thiết Bị & Công Nghệ HKT	758.010.568	-
- Công ty TNHH Dệt kim và May mặc Huế Việt Nam	352.960.000	462.590.980
- Các đối tượng người bán khác	3.689.642.317	3.664.003.304
<b>Cộng</b>	<b><u>7.652.986.528</u></b>	<b><u>5.685.292.284</u></b>

**5. Phải thu về cho vay**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu về cho vay các bên liên quan</i></b>	<b><i>1.233.079.068</i></b>	<b><i>1.483.588.448</i></b>
- Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	1.233.079.068	1.483.588.448
<b><i>Phải thu về cho vay các đối tượng khác</i></b>	<b><i>-</i></b>	<b><i>-</i></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.233.079.068</u></b>	<b><u>1.483.588.448</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Phải thu khác****a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>585.824.000</b>	-	<b>437.324.000</b>	-
- Công ty CP XD và ĐTVT Hạ tầng TTH	585.824.000	-	437.324.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>14.772.549.039</b>	<b>(4.153.407.515)</b>	<b>14.918.763.100</b>	<b>(4.153.407.515)</b>
- Ban đầu tư và Xây dựng TP Huế	8.578.450.000	-	8.578.450.000	-
- Phải thu nhân viên tiền nhiệm	4.153.407.515	(4.153.407.515)	4.153.407.515	(4.153.407.515)
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.254.131.392	-	1.136.944.866	-
- UB đền bù giải phóng mặt bằng	261.296.800	-	261.296.800	-
- Các đối tượng khác	525.263.332	-	788.663.919	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<b>1.549.414.657</b>	-	<b>1.147.177.298</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>16.907.787.696</b>	<b>(4.153.407.515)</b>	<b>16.503.264.398</b>	<b>(4.153.407.515)</b>

**b. Dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ký cược ký quỹ dài hạn</i>	<b>2.416.900.383</b>	-	<b>2.483.738.020</b>	-
Ký quỹ dự án Khách sạn Đông Dương	1.691.233.072	-	1.814.510.782	-
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường	725.667.311	-	669.227.238	-
<b>Cộng</b>	<b>2.416.900.383</b>	-	<b>2.483.738.020</b>	-

**7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	34.510.617.492	36.129.370.314
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.845.089.407	2.463.360.157
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.532.440.641	1.632.176.341
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.179.024.474	897.177.024
<b>Cộng</b>	<b>39.067.172.014</b>	<b>41.122.083.836</b>

**Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	41.122.083.836	30.596.638.690
Trích lập dự phòng	-	8.880.939.670
Hoàn nhập dự phòng	(2.054.911.822)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>39.067.172.014</b>	<b>39.477.578.360</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.370.593.192	-	31.493.289.551	-
Công cụ, dụng cụ	1.382.713.681	-	1.390.312.188	-
Chi phí SXKD dở dang	125.718.588.043	-	94.396.537.402	-
Thành phẩm	18.465.286.871	(282.761.594)	27.882.066.085	(284.818.633)
Hàng hóa	2.891.890.790	-	913.293.265	-
<b>Cộng</b>	<b>171.829.072.577</b>	<b>(282.761.594)</b>	<b>156.075.498.491</b>	<b>(284.818.633)</b>

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng tại ngày 30/06/2022
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2022.

**Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Khu nhà ở Tam Thai	33.990.707.064	33.990.707.064
Khách sạn Đông Dương	13.730.618.961	9.252.790.928
Văn phòng cơ quan các đơn vị Tỉnh Thừa Thiên Huế	5.636.005.151	6.018.114.925
Dự án Resort The Anam Boutique	5.647.042.898	5.585.942.898
Khách sạn Xanh - Huế VNECO	3.287.371.356	3.260.694.313
Các công trình khác	63.426.842.613	36.288.287.274
<b>Cộng</b>	<b>125.718.588.043</b>	<b>94.396.537.402</b>

**9. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất hạ tầng	591.375.549	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	649.571.249	1.309.015.598
Chi phí trả trước chờ phân bổ	655.548.411	194.176.934
<b>Cộng</b>	<b>1.896.495.209</b>	<b>1.503.192.532</b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	1.503.192.532	793.430.645
Tăng trong kỳ	2.446.407.399	2.604.626.489
Phân bổ trong kỳ	(2.053.104.722)	(1.439.042.334)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.896.495.209</b>	<b>1.959.014.800</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**b. Dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất KCN Phú Bài	8.354.127.581	8.510.767.475
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	8.479.140.060	8.506.893.186
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.477.132.098	2.779.658.587
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.375.912.636	3.217.771.102
Chi phí khác chờ phân bổ	1.925.528.334	2.864.634.627
<b>Cộng</b>	<b>25.611.840.709</b>	<b>25.879.724.977</b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	25.879.724.977	25.414.924.822
Tăng trong kỳ	1.786.460.777	3.198.417.230
Phân bổ trong kỳ	(2.054.345.045)	(2.950.330.928)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>25.611.840.709</b>	<b>25.663.011.124</b>

**10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.074.926.872	-	5.183.584.985	5.376.630.898	2.881.880.959	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.347.024.056	12.658.711	8.009.902.430	4.109.545.185	6.234.722.590	-
Thuế thu nhập cá nhân	296.632.490	-	958.626.720	1.046.378.768	208.880.442	-
Thuế tài nguyên	297.978.059	-	1.554.580.507	2.046.279.690	94.664.610	288.385.734
Thuế nhà đất	661.966.257	68.840.389	3.582.336.692	3.864.288.037	311.174.523	-
Các loại thuế khác	-	-	18.000.000	18.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	96.038.690	9.000.000.000	957.362.624	990.074.305	63.327.009	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.774.566.424</b>	<b>9.081.499.100</b>	<b>20.264.393.958</b>	<b>17.451.196.883</b>	<b>9.794.650.133</b>	<b>9.288.385.734</b>

(\*) Là số tiền tạm ứng vào Ngân sách Nhà nước cho UBND Thị xã Hương Thủy thực hiện đền bù phải phóng mặt bằng cho dự án Thủy Dương.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê văn phòng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%. Riêng hoạt động xây dựng bắt đầu từ ngày 01/02/2022 Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT là 8% theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022. Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>45.201.389.542</b>	<b>42.880.326.065</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	(5.151.877.391)	(2.097.970.799)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.582.546.175	9.205.591.308
+ Thù lao HDQT không trực tiếp điều hành	610.400.000	507.900.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	151.794.650	54.689.553
+ Tiền trợ cấp thôi việc	24.600.000	-
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa đủ điều kiện	-	8.643.001.755
+ Chi phí không hợp lệ khác	24.413.043	-
+ Lỗ tại công ty con	1.771.338.482	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	7.734.423.566	11.303.562.107
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi đủ điều kiện	1.813.694.000	86.280.000
+ Hoàn nhập dự phòng tài chính đã trích lập các công ty con, công ty liên kết	(586.614.360)	(1.306.914.395)
+ Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	18.054.990	-
+ Lợi nhuận từ công ty liên kết	6.489.288.936	12.524.196.502
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>40.049.512.151</b>	<b>40.782.355.266</b>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>40.049.512.151</b>	<b>40.782.355.266</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	8.009.902.430	8.156.471.053
Chi phí thuế TNDN truy thu năm trước	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>8.009.902.430</b>	<b>8.156.471.053</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	362.738.800	(1.696.149.400)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(117.322.872)	(261.382.879)
Dự phòng cải tạo môi trường rừng	(4.882.608)	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(4.920.000)	(622.608)
<b>Cộng</b>	<b>235.613.320</b>	<b>(1.958.154.887)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	176.136.596.842	75.422.141.673	23.120.686.085	1.647.960.196	276.327.384.796
Phân loại lại	66.259.376	(66.259.376)	-	-	-
Mua sắm trong kỳ	-	1.916.855.437	-	-	1.916.855.437
Thanh lý, nhượng bán	(1.186.946.144)	(40.440.000)	(134.598.636)	-	(1.361.984.780)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>175.015.910.074</b>	<b>77.232.297.734</b>	<b>22.986.087.449</b>	<b>1.647.960.196</b>	<b>276.882.255.453</b>
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	71.841.074.021	32.326.537.246	13.464.758.976	1.488.960.196	119.121.330.439
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	125.128.825.376	53.632.034.897	17.739.313.687	1.597.731.560	198.097.905.520
Phân loại lại	260.250.343	(260.250.345)	2	-	-
Khấu hao trong kỳ	3.759.639.710	2.633.979.003	557.487.106	19.627.272	6.970.733.091
T/lý, nhượng bán	(424.502.792)	(20.998.957)	(8.973.245)	-	(454.474.994)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>128.724.212.637</b>	<b>55.984.764.598</b>	<b>18.287.827.550</b>	<b>1.617.358.832</b>	<b>204.614.163.617</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	51.007.771.466	21.790.106.776	5.381.372.398	50.228.636	78.229.479.276
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>46.291.697.437</b>	<b>21.247.533.136</b>	<b>4.698.259.899</b>	<b>30.601.364</b>	<b>72.268.091.836</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2022 là 12.526.649.655 đồng (Xem Thuyết minh V.22).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Quyền khai thác mỏ	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	342.530.000	692.000.000	4.405.301.562	5.439.831.562
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý/nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>342.530.000</b>	<b>692.000.000</b>	<b>4.405.301.562</b>	<b>5.439.831.562</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	692.000.000	-	692.000.000
- Chờ thanh lý	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	692.000.000	2.377.816.983	3.069.816.983
Khấu hao trong kỳ	-	-	123.655.338	123.655.338
Thanh lý/nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>692.000.000</b>	<b>2.501.472.321</b>	<b>3.193.472.321</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	342.530.000	-	2.027.484.579	2.370.014.579
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>342.530.000</b>	<b>-</b>	<b>1.903.829.241</b>	<b>2.246.359.241</b>

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại D1-3, Khu Phố Hưng Vương 2 – R13, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, được sử dụng để làm văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	-	-	-	-
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>60.611.763.191</b>	<b>9.336.226.912</b>	-	<b>69.947.990.103</b>
- KCN Phú Bài giai đoạn 4	47.643.802.354	984.664.693	-	48.628.467.047
- Nhà xưởng khu công nghiệp	12.105.823.411	7.239.971.357	-	19.345.794.768
- Các công trình khác	862.137.426	1.111.590.862	-	1.973.728.288
<b>Cộng</b>	<b>60.611.763.191</b>	<b>9.336.226.912</b>	<b>-</b>	<b>69.947.990.103</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất****14. Bất động sản đầu tư**

	Tòa nhà 28 Lý Thường Kiệt	Tòa nhà 9 Phạm Văn Đồng	Tòa nhà 23 Hà Nội	Tòa nhà 30 Hùng Vương	Tòa nhà Phan Chu Trinh	Tòa nhà 52	Cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số đầu năm	50.306.749.278	21.348.424.513	4.131.676.382	6.106.944.556	707.519.002	82.601.313.731	133.451.455
Tăng trong kỳ	133.451.455	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>50.440.200.733</b>	<b>21.348.424.513</b>	<b>4.131.676.382</b>	<b>6.106.944.556</b>	<b>707.519.002</b>	<b>82.734.765.186</b>	
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Số đầu năm	25.569.869.328	11.842.321.851	3.100.798.624	4.113.970.037	402.106.664	45.029.066.504	-
Phân loại lại	360.549.855	-	-	(360.549.855)	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	954.878.550	397.778.514	79.909.800	101.905.584	14.095.950	1.548.568.398	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>26.885.297.733</b>	<b>12.240.100.365</b>	<b>3.180.708.424</b>	<b>3.855.325.766</b>	<b>416.202.614</b>	<b>46.577.634.902</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu năm	24.736.879.950	9.506.102.662	1.030.877.758	1.992.974.519	305.412.338	37.572.247.227	-
<b>Số đánh giá lại cuối kỳ</b>	<b>23.554.903.000</b>	<b>9.108.324.148</b>	<b>950.967.958</b>	<b>2.251.618.790</b>	<b>291.316.388</b>	<b>36.157.130.284</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá gốc
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>26.487.247.634</b>		<b>26.487.247.634</b>
Công ty CP Frit Huế	29,14%	9.847.128.302	29,14%	9.847.128.302
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	48,76%	9.157.581.000	48,76%	9.157.581.000
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	48,00%	5.533.052.714	48,00%	5.533.052.714
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư PTHT Thừa Thiên Huế	30,00%	1.949.485.618	30,00%	1.949.485.618
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>1.122.573.690</b>		<b>1.122.573.690</b>
Công ty CP Long Thọ	3,84%	1.122.573.690	3,84%	1.122.573.690
<b>Cộng</b>		<b>27.609.821.324</b>		<b>27.609.821.324</b>
				<b>151.936.955.157</b>

**Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	26.487.247.634	26.487.247.634
	<b>26.487.247.634</b>	<b>26.487.247.634</b>

**Biến động trong đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

	Công ty CP Frit Huế	Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTH	Công ty CP XD và ĐT PTHT TTH	Công ty CP Kinh doanh Nhà TTH	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>127.558.030.260</b>	<b>20.176.122.879</b>	<b>3.080.228.328</b>	-	<b>150.814.381.467</b>
Lợi nhuận từ công ty liên kết	4.778.468.000	2.327.223.156	-	-	7.105.691.156
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.244.708.000)	(2.592.000.000)	(148.500.000)	-	(7.985.208.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(101.979.500)	(499.422.720)	(15.000.000)	-	(616.402.220)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>126.989.810.760</b>	<b>19.411.923.315</b>	<b>2.916.728.328</b>	-	<b>149.318.462.403</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>14.202.315.967</b>	<b>11.227.539.666</b>
- Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	11.147.473.181	7.871.740.500
- Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	2.510.343.786	2.510.343.786
- Công ty CP Kinh doanh Nhà TT Huế	544.499.000	845.455.380
<b>Phải trả các người bán khác</b>	<b>48.019.177.611</b>	<b>65.257.753.856</b>
- Công ty CP Đầu tư Trung Quý Huế	4.214.514.043	16.214.514.043
- Công ty TNHH Thép tiền chế Zamil Việt Nam	-	7.031.200.000
- Công ty CP SX&TM Phước Bình	2.429.964.137	2.638.172.393
- Công ty TNHH Nhật Minh Quang	6.510.984.470	7.536.276.703
- Công ty CP PVG Miền trung	1.877.315.636	-
- Công ty TNHH MTV Tân Vĩnh Phú	1.898.458.264	-
- Công ty CP bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An	1.023.939.722	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thiện Quý	1.213.547.081	-
- Công ty TNHH Hoàn Huế	1.000.000.000	-
- Các đối tượng người bán khác	27.850.454.258	31.837.590.717
<b>Cộng</b>	<b><u>62.221.493.578</u></b>	<b><u>76.485.293.522</u></b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>38.245.571.186</b>	<b>40.728.266.928</b>
- Trường Trung cấp Công nghệ số 10	3.873.418.800	-
- Công ty Noble House Home Furnishings LLC	3.077.293.192	5.971.141.779
- Công ty CP Ariyana Vĩ Dạ	-	3.231.627.000
- Công ty CP Apec Land Huế	2.401.957.344	2.991.377.339
- Sở Y Tế Tỉnh Thừa Thiên Huế	3.264.832.116	2.750.811.116
- Công ty TNHH MTV Song Thiên Long	6.279.676.780	-
- Công ty CP Tài Phát	1.623.350.488	500.000.000
- BQL DA Đầu tư XD Công trình giao thông TTH	1.020.048.000	3.231.627.000
- Công ty CP ĐTXD TM và công nghệ Hà Nội - CN Thừa Thiên Huế	1.046.633.670	2.755.944.898
- Các khách hàng khác	15.658.360.796	19.295.737.796
<b>Cộng</b>	<b><u>38.245.571.186</u></b>	<b><u>40.728.266.928</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****18. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	11.756.016.059	21.470.286.461
<b>Cộng</b>	<b><u>11.756.016.059</u></b>	<b><u>21.470.286.461</u></b>

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước phí tư vấn, kiểm toán	75.000.000	350.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa	213.797.618	346.298.642
Trích trước chi phí thuê đất	200.000.000	-
Trích chi phí tiêu thụ sản phẩm	99.098.872	105.164.493
Trích trước chi phí khác	521.022.610	81.380.314
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>1.108.919.100</u></b>	<b><u>882.843.449</u></b>

**20. Doanh thu chưa thực hiện****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng KCN	14.751.390.218	2.937.176.202
Doanh thu cho thuê văn phòng	913.580.535	670.340.799
<b>Cộng</b>	<b><u>15.664.970.753</u></b>	<b><u>3.607.517.001</u></b>

**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng KCN	64.750.271.169	63.499.418.978
Doanh thu hợp tác kinh doanh	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>66.250.271.169</u></b>	<b><u>63.499.418.978</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****21. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<b>53.865.456.077</b>	<b>54.156.042.651</b>
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.842.623.018	1.238.143.832
Cổ tức phải trả	1.303.746.950	2.124.399.132
BQL Dự án KCN Phú Bài	41.729.297.231	41.729.297.231
Phải trả các đội xây dựng	2.644.286.498	2.963.368.792
Phải trả đặt cọc thuê văn phòng	2.929.447.750	2.398.136.450
Phải trả các đối tượng khác	3.416.054.630	3.702.697.214
<b>Cộng</b>	<b><u>53.865.456.077</u></b>	<b><u>54.156.042.651</u></b>

**22. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>10.265.433.981</b>	<b>10.265.433.981</b>	<b>12.281.841.292</b>	<b>12.281.841.292</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Huế	5.562.957.637	5.562.957.637	9.325.420.940	9.325.420.940
- Ngân hàng TMCP BIDV - CN Huế	4.644.277.294	4.644.277.294	2.956.420.352	2.956.420.352
- Ngân hàng TMCP Quân đội MB - CN Huế	58.199.050	58.199.050	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>367.339.700</b>	<b>367.339.700</b>	<b>267.265.850</b>	<b>267.265.850</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Huế	367.339.700	367.339.700	267.265.850	267.265.850
<b>Cộng</b>	<b><u>10.632.773.681</u></b>	<b><u>10.632.773.681</u></b>	<b><u>12.549.107.142</u></b>	<b><u>12.549.107.142</u></b>

**b. Dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Huế	14.161.916.936	14.161.916.936	3.017.013.100	3.017.013.100
<b>Cộng</b>	<b><u>14.161.916.936</u></b>	<b><u>14.161.916.936</u></b>	<b><u>3.017.013.100</u></b>	<b><u>3.017.013.100</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:**

- Hợp đồng cho Vay dự án đầu tư số 2022/DAĐT ngày 05/01/2022. Thời hạn cho vay 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để tài trợ cho dự án xây dựng nhà xưởng xây sẵn tại Lô B-2-2 Khu Công nghiệp Phú Bài. Lãi suất cho vay: 7,5% trong 2 năm đầu tiên. Thời gian còn lại lãi suất = LSTK VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả sau cho khách hàng cá nhân VCB + Biên độ 2,9%/năm. Số tiền cho vay tối đa là 14.700.000.000 đồng và không vượt quá 70% tổng mức dự án đầu tư của dự án không bao gồm VAT của dự án đầu tư. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2021/MMTB-CBG ngày 24/08/2021. Tổng số tiền cho vay tối đa là 4.977.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, hệ thống, thiết bị liên quan đến phòng cháy chữa cháy, trạm biến áp và xây dựng một số hạng mục nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2020/MMTB-CBG ngày 19/10/2020. Tổng số tiền đã vay là 1.380.271.400. đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2019/DUAN-CBG ngày 20/11/2019. Tổng số tiền đã vay là 1.900.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị, xây dựng một số hạng mục nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2018/DUAN-CBG ngày 30/11/2018. Tổng số tiền đã vay là 400.464.500 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem Thuyết minh số V.11)

**23. Dự phòng phải trả****a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	11.334.076.836	5.426.953.361
Dự phòng khác	19.529.305	830.630.259
<b>Cộng</b>	<b>11.353.606.141</b>	<b>6.257.583.620</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****b. Dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng 5% chờ quyết toán các CTVNN	4.606.641.400	4.779.992.800
Dự phòng trợ cấp thôi việc	5.334.423.524	5.311.872.674
Dự phòng kinh phí cải tạo phục hồi môi trường	634.669.664	429.610.721
<b>Cộng</b>	<b><u><u>10.575.734.588</u></u></b>	<b><u><u>10.521.476.195</u></u></b>

**24. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.772.783.973	6.871.999.000	(3.742.118.333)	10.902.664.640
<b>Cộng</b>	<b><u><u>7.772.783.973</u></u></b>	<b><u><u>6.871.999.000</u></u></b>	<b><u><u>(3.742.118.333)</u></u></b>	<b><u><u>10.902.664.640</u></u></b>

28  
HI  
VE  
07  
04  
12

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****25. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>190.573.160.000</b>	<b>9.168.780.000</b>	<b>22.743.307.419</b>	<b>200.658.273.357</b>	<b>33.988.915.763</b>	<b>457.132.436.539</b>
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	5.119.682.239	5.119.682.239
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	31.562.327.660	-	31.562.327.660
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.398.562.504	(10.398.562.504)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.972.411.527)	(647.102.473)	(6.619.514.000)
Đ/C theo biên bản KTNN	-	-	-	333.005.481	(5.387.272)	327.618.209
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(28.585.974.000)	(3.194.903.856)	(31.780.877.856)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>190.573.160.000</b>	<b>9.168.780.000</b>	<b>33.141.869.923</b>	<b>187.596.658.467</b>	<b>35.261.204.401</b>	<b>455.741.672.791</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>190.573.160.000</b>	<b>9.168.780.000</b>	<b>33.141.869.923</b>	<b>209.890.232.675</b>	<b>39.428.116.819</b>	<b>482.202.159.417</b>
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	-	-	6.146.094.172	6.146.094.172
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	30.809.779.620	-	30.809.779.620
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.875.694.079	(15.875.694.079)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.886.339.650)	(985.659.350)	(6.871.999.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(3.547.991.500)	(3.547.991.500)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>190.573.160.000</b>	<b>9.168.780.000</b>	<b>49.017.564.002</b>	<b>218.937.978.566</b>	<b>41.040.560.141</b>	<b>508.738.042.709</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty CP Kỹ Nghệ Lạnh (Searefico)	-	0,00%	68.606.340.000	36,00%
Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	35.562.500.000	18,66%	7.562.500.000	3,97%
Bà Nguyễn Thị Phương Hoa	41.049.620.000	21,54%	-	0,00%
Công đoàn công ty	9.044.750.000	4,75%	8.956.940.000	4,70%
Vốn góp của các cổ đông khác	104.916.290.000	55,05%	105.447.380.000	55,33%
	<b>190.573.160.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>190.573.160.000</b>	<b>100,00%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	190.573.160.000	190.573.160.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	190.573.160.000	190.573.160.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(3.547.991.500)	(31.780.877.856)

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.057.316	19.057.316
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.057.316	19.057.316
- Cổ phiếu thường	19.057.316	19.057.316
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.057.316	19.057.316
- Cổ phiếu thường	19.057.316	19.057.316
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****e. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	39.428.116.819	33.988.915.763
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	6.146.094.172	5.119.682.239
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(3.547.991.500)	(3.194.903.856)
Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(985.659.350)	(647.102.473)
Giảm khác	-	(5.387.272)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u><u>41.040.560.141</u></u></b>	<b><u><u>35.261.204.401</u></u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	126.773.624.242	135.586.092.874
Doanh thu xây lắp, dịch vụ	40.569.530.226	54.888.998.257
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	26.965.349.582	26.825.240.805
Doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản	10.175.973.593	8.907.555.749
<b>Cộng</b>	<b><u><u>204.484.477.643</u></u></b>	<b><u><u>226.207.887.685</u></u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giảm giá hàng bán	4.000.000	8.440.000
Hàng bán bị trả lại	880.451.550	-
<b>Cộng</b>	<b><u><u>884.451.550</u></u></b>	<b><u><u>8.440.000</u></u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	92.676.877.934	102.118.098.437
Giá vốn của hoạt động xây lắp, dịch vụ	36.102.126.709	53.273.842.971
Giá vốn kinh doanh hạ tầng	10.369.475.193	11.927.272.081
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản	2.187.384.651	1.661.630.500
Dự phòng bảo hành công trình	5.601.947.000	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	(480.803.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>146.937.811.487</u></b>	<b><u>168.500.040.989</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.659.593.312	3.530.952.338
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	18.054.990	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.677.648.302</u></b>	<b><u>3.530.952.338</u></b>

**5. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	655.820.218	460.582.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	61.181.269	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	25.497.116
<b>Cộng</b>	<b><u>717.001.487</u></b>	<b><u>486.079.576</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.285.032.658	1.873.042.871
Chi phí dự phòng bảo hành sản phẩm	166.095.012	266.158.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.182.535.664	1.879.152.891
Chi phí khác	536.943.905	604.088.357
<b>Cộng</b>	<b><u>5.170.607.239</u></b>	<b><u>4.622.442.997</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	12.079.545.941	12.356.714.552
Chi phí khấu hao TSCĐ	560.170.309	562.695.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.167.306.667	521.238.845
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	8.880.939.670
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.054.911.822)	-
Chi phí bằng tiền khác	2.800.462.125	5.266.154.261
<b>Cộng</b>	<b><u>16.552.573.220</u></b>	<b><u>27.587.742.495</u></b>

**8. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	822.490.214	-
Thu phí tiện ích cho thuê văn phòng	955.892.511	1.198.903.551
Thu hồi các khoản nợ khó đòi đã xử lý	-	232.972.454
Thu nhập khác	90.647.598 #	1.750.164.320
<b>Cộng</b>	<b><u>1.869.030.323</u></b>	<b><u>3.182.040.325</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí tiện ích cho thuê văn phòng	955.892.511	1.198.903.551
Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	10.607.551
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	79.751.450	-
Các khoản thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính	7.768.161	16.877.279
Chi phí khác	13.198.557	133.616.347
<b>Cộng</b>	<b><u>1.056.610.679</u></b>	<b><u>1.360.004.728</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.809.779.620	31.562.327.660
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.800.000.000)	(3.600.000.000)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.800.000.000)	(3.600.000.000)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	28.009.779.620	27.962.327.660
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19.057.316	19.057.316
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b><u>1.470</u></b>	<b><u>1.467</u></b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-XL-ĐHCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022 với tỷ lệ là 8%/lợi nhuận sau thuế TNDN.

**Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	19.057.316	19.057.316
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)</b>	<b><u>19.057.316</u></b>	<b><u>19.057.316</u></b>

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.009.779.620	27.962.327.660
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.057.316	19.057.316
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b><u>1.470</u></b>	<b><u>1.467</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.643.563.676	90.003.443.221
Chi phí nhân công	56.200.859.338	57.880.486.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.642.956.827	9.694.834.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.412.885.596	27.274.993.329
Chi phí khác	8.479.985.072	12.670.572.909
<b>Cộng</b>	<b>191.380.250.509</b>	<b>197.524.330.282</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ này			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch HĐQT	-	64.000.000	-	64.000.000
2	Lê Quý Định	P.Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	402.916.000	60.000.000	-	462.916.000
3	Trần Sỹ Chương	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
4	Lê Viết Liên	Thành viên HĐQT	-	20.000.000	-	20.000.000
5	Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên HĐQT	-	20.000.000	-	20.000.000
6	Lê Tấn Phước	Nguyên chủ tịch HĐQT	-	48.000.000	-	48.000.000
7	Nguyễn Thị Thanh Hường	Nguyên thành viên HĐQT	-	40.000.000	-	40.000.000
8	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng BKS	69.486.000	36.000.000	-	105.486.000
9	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
10	Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên BKS	-	10.000.000	-	10.000.000
11	Lê Văn Tài	Thành viên BKS	124.900.000	10.000.000	-	134.900.000
12	Lê Đình Nam	Thành viên BKS	-	10.000.000	-	10.000.000
13	Phan Thành Long	Nguyên trưởng BKS	-	32.000.000	-	32.000.000
14	Nguyễn Châu Trân	Nguyên thành viên BKS	-	20.000.000	-	20.000.000
15	Trần Hữu Vinh	Nguyên thành viên BKS	54.000.000	20.000.000	-	74.000.000
16	Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	181.500.000	-	-	181.500.000
17	Phan Văn Giáo	Giám đốc	56.880.000	-	-	56.880.000
18	Phạm Trường Lâm	Giám đốc	110.116.800	-	-	110.116.800
19	Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	100.476.000	-	-	100.476.000
20	Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	212.307.000	-	-	212.307.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.312.581.800</b>	<b>480.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.792.581.800</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ trước			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Lê Quý Định	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	713.255.000	72.000.000	-	785.255.000
2	Lê Tấn Phước	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
3	Đoàn Hữu Thuận	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
4	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
5	Trần Sỹ Chương	Thành viên HĐQT	-	20.000.000	-	20.000.000
6	Phan Thành Long	Trưởng BKS	-	16.000.000	-	16.000.000
7	Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên BKS	67.200.000	42.000.000	-	109.200.000
8	Nguyễn Châu Trần	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
9	Trần Hữu Vinh	Thành viên BKS	81.000.000	30.000.000	-	111.000.000
10	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	-	10.000.000	-	10.000.000
11	Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	275.800.000	-	-	275.800.000
12	Phan Văn Giáo	Giám đốc	82.000.000	-	-	82.000.000
13	Phạm Trường Lâm	Giám đốc	133.190.160	-	-	133.190.160
14	Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	61.400.000	-	-	61.400.000
15	Lê Văn Tài	Giám đốc	275.800.000	-	-	275.800.000
16	Lê Thị Khánh Vân	Kế toán trưởng	357.380.000	-	-	357.380.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.047.025.160</b>	<b>400.000.000</b>	-	<b>2.447.025.160</b>

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty liên kết, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Frit Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	Công ty liên kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Tên Công ty	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	9.422.363.709	5.727.494.545
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	-	105.332.000
Công ty Cổ phần Frit Huế	419.180.960	-
<b>Nhận cổ tức</b>		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	2.592.000.000	2.592.000.000
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	148.500.000	198.000.000
Công ty CP Frit Huế	5.244.708.000	7.867.062.000
<b>Giao dịch khác (Lãi cho vay)</b>		
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	50.447.000	-

Số dư với các bên liên quan khác:

Tên Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải thu ngắn hạn</b>		
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	1.073.884.173	1.441.571.173
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	5.611.076.147	3.554.845.376
Công ty CP Frit Huế	767.009.486	112.020.000
<b>Trả trước người bán</b>		
Công ty CP Frit Huế	28.954.780	-
<b>Phải thu về cho vay</b>		
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	1.233.079.068	1.483.588.448
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	585.824.000	437.324.000
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	11.147.473.181	7.871.740.500
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	2.510.343.786	2.510.343.786
Công ty CP Kinh doanh Nhà TT Huế	544.499.000	845.455.380

**2. Báo cáo bộ phận**

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh hạ tầng	Hoạt động kinh doanh BDS	Cộng
<b>Kỳ này</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	125.889.172.692	40.569.530.226	26.965.349.582	10.175.973.593	203.600.026.093
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.889.172.692	40.569.530.226	26.965.349.582	10.175.973.593	203.600.026.093
Giá vốn bộ phận	92.676.877.934	41.704.073.709	10.369.475.193	2.187.384.651	146.937.811.487
Lợi nhuận gộp bộ phận	33.212.294.758	(1.134.543.483)	16.595.874.389	7.988.588.942	56.662.214.606

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

1166  
TY  
ĂN  
LẮP  
NH  
TH





